

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH KONTUM**
Số: 85/2019/QĐST- DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
K, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213; khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147; Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2019/TLST- DS ngày 26 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N

Địa chỉ: 198 T, quận H, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L – Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Kon Tum.(Giấy ủy quyền số 128/UB-VCB-PC ngày 27/5/2019 do Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP- N ký).

Ông Lê Tấn L ủy quyền lại cho ông Phan Văn Th – Phó trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng TMCP N – Chi Nhánh KonTum tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo Giấy ủy quyền số 19E/08/NHNT.KT.UQ ngày 19/08/2019.

Địa chỉ: Số 348 T, phường Q , thành phố K, tỉnh KonTum. Nay chuyển địa chỉ mới: 01 P, thành phố K, tỉnh KonTum.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn T 1, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Đến ngày 01/12/2019 bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh KonTum theo Hợp đồng tín dụng số 967/18/CN/NHNT ngày 01/6/2018; tổng cộng số tiền tính đến ngày 04/10/2019 là: 607.701.480 (Sáu trăm linh bảy triệu, bảy trăm linh một nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc là 550.000.000đồng.Tiền lãi tính đến ngày 04/10/2019 lãi trong hạn: 51.284.110 đồng, lãi quá hạn là: 6.417.307 đồng.

Bà Nguyễn Thị M tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 967/18/CN/NHNT ký kết ngày 01/6/2018, kể từ ngày 05/10/2019 trên số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi trả nợ xong.

Nếu bà Nguyễn Thị M trả hết toàn bộ số nợ nêu trên đúng thời hạn ngày 01/12/2019 thì Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh Kon Tum sẽ xem xét giảm nợ lãi cho bà Nguyễn Thị M.

Khi bà Nguyễn Thị M trả đủ số tiền phải trả, Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Kon Tum trả cho bà Nguyễn Thị M gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608268 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2016, mang tên Nguyễn Thị M.

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608270 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh GiaLai cấp ngày 04/7/2016 mang tên Nguyễn Thị M.

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608265 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2016 mang tên Nguyễn Thị M.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Mỹ vi phạm kỳ hạn trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh KonTum có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/07/NHNT ngày 11/07/2016 gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất để thu nợ:

- + Tài sản 01: Thửa đất số 169 tờ bản đồ số 47 ở xã I huyện IG, tỉnh Gia Lai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608268 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2016, mang tên Nguyễn Thị M.(Thực trạng khi xem xét, thẩm định tại chỗ: Đất không có tranh chấp, gắn liền với đất có 800 cây cà phê trồng năm 1996)

- + Tài sản 02: thửa đất số 5 tờ bản đồ 47 ở xã I , huyện IG, tỉnh Gia Lai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608270 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh GiaLai cấp ngày 04/7/2016 mang tên Nguyễn Thị M.(Thực trạng khi xem xét, thẩm định tại chỗ: Đất không có tranh chấp, đất đang để trống)

- + Tài sản 03: thửa đất số 271 tờ bản đồ 25 ở xã IH, huyện IG, tỉnh Gia Lai có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 608265 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/7/2016 mang tên Nguyễn Thị M. (Thực trạng khi xem xét, thẩm định tại chỗ: Đất không có tranh chấp, gắn liền với đất có căn nhà xây cấp 4 , xây dựng năm 2000 có diện tích khoảng 102m² , 01 căn nhà bếp diện tích khoảng 61m² , tường rào trước nhà xây gạch cao 1,2m; 150 cây cà phê

trồng năm 1997; 250 cây cà phê trồng năm 2017; 04 cây sầu riêng đang thu hoạch; 1.000.000 trụ bê tông tròn dùng để trồng tiêu, hiện tại cây tiêu đã chết khô hết)

(Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên của bà M là tài sản được thừa kế)

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Mỹ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Kon Tum cho đến khi trả xong.

[2.2] Về án phí, lệ phí:

- Về án phí: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên mức án phí được giảm 50%. Số tiền án phí bà Nguyễn Thị M phải nộp được tính tròn số: 15.192.500 đồng (*Mười lăm triệu một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh Kon Tum 13.986.460đ (*Mười ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001836 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí tổng là 10.000.000 đồng. Trả lại tạm ứng chi phí tố tụng cho Ngân hàng 2.000.000 đồng(Ông Phan Văn T đã nhận lại).

Bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N- Chi nhánh Kon Tum số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tp K;
- Thi hành án dân sự tp K;
- TAND tỉnh KonTum.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trường Du

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).